

Số: 40/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Trị, ngày 01 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992;

Số căn cước công dân 044192010811; cấp ngày: 23/5/2023;

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị;

Bị đơn: Anh Lê Hữu C, sinh năm 1989,

Số căn cước công dân: 044089005877; cấp ngày: 13/9/2023;

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu C thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Kim N, sinh ngày 28/01/2015. Hai bên thoả thuận: Giao Lê Kim N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu C thống nhất vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu C thống nhất không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm

b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu C mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị H và anh C thỏa thuận: Chị H chịu thay án phí ly hôn cho anh C. Số tiền án phí chị H thỏa thuận chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0000688, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị H được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- UBND xã Ninh Châu, tỉnh Quảng Trị
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thuỷ

